

Số: 02/2022/QĐST-VDS

Ngày 27/5/2022

V/v tuyên bố một người mất
năng lực hành vi dân sự

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Trọng Hồi- Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Thanh Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên họp: Ông Y
Rin Niê Kđăm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn mở phiên họp sơ
thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2022/TLST-VDS ngày 15 tháng 4
năm 2022 về yêu cầu “tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”. Theo quyết
định mở phiên họp số: 02/2022/QĐST- VDS ngày 12 tháng 5 năm 2022.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông Đào Danh C – Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Buôn E M 1A, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Thị H - Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Buôn E M d1A, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu tuyên bố một
người mất năng lực hành vi dân sự đối với bà Đào Thị H - sinh năm 1988.

Địa chỉ: Buôn E M 1A, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết, người yêu cầu, ông Đào Danh
C trình bày:

Bà Đào Thị H là con gái ông, sinh ngày 31/10/1988, bị bệnh từ lúc mới sinh,
ba tuổi chưa biết đi, lúc nhỏ thường bị động kinh. Cho đến nay không biết nói,
không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Việc ăn uống, đại tiểu tiện
không tự chủ, phải có người phục vụ. Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Đào Thị
H là người mất năng lực hành vi dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H đồng ý với yêu cầu của
ông Đào Danh C về việc tuyên bố bà Đào Thị H mất năng lực hành vi dân sự, nhất
trí việc xác định ông Đào Danh C là người đại diện theo pháp luật và là người giám
hộ cho bà Đào Thị H.

Theo yêu cầu của ông Đào Danh C, ngày 04 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bà Đào Thị H.

Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 99 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận: Đương sự Đào Thị H hiện tại bị bệnh Chậm phát triển tâm thần nặng (F72-ICD10); mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại phiên họp: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Từ khi thụ lý cho đến phiên họp giải quyết việc dân sự, thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và kết luận giám định pháp y tâm thần số 99 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên; căn cứ khoản 3 Điều 27, các Điều 361, 369, 378 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 22, Điều 53 Bộ luật Dân sự, chấp nhận đơn yêu cầu của ông Đào Danh C, tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự đối với bà Đào Thị H. Ông Đào Danh C là người đại diện theo pháp luật và người giám hộ đương nhiên của bà Đào Thị H.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn nhận định:

[1] Về quyền yêu cầu việc dân sự: Ông Đào Danh C là bố đẻ của bà Đào Thị H- người có dấu hiệu mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự đối với bà Đào Thị H theo quy định tại Điều 376 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ chấp nhận yêu cầu:

Căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần số 99 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên; căn cứ khoản 3 Điều 27, các Điều 361, 369, 378 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 22 Bộ luật Dân sự, chấp nhận đơn yêu cầu của ông Đào Danh C, tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự đối với bà Đào Thị H.

Căn cứ vào Điều 53 Bộ luật dân sự và biên bản thỏa thuận ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa ông Đào Danh C và bà Vũ Thị H (bố mẹ đẻ của bà Đào Thị H), xác định ông Đào Danh C là người đại diện theo pháp luật và người giám hộ đương nhiên của bà Đào Thị H.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Căn cứ Điều 35 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông Đào Danh C phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Đào Danh C phải chịu số tiền chi phí giám định 4.140.000 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng), ông Đào Danh C đã nộp đủ.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 27, các Điều 361, 369, 376, 378 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 22, Điều 53 Bộ luật Dân sự,

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Đào Danh C. Tuyên bố bà Đào Thị H sinh năm 1988; thường trú Buôn E M 1 A, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là người mất năng lực hành vi dân sự.

Ông Đào Danh C là người đại diện theo pháp luật và người giám hộ đương nhiên của bà Đào Thị H.

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Đào Danh C phải chịu số tiền chi phí giám định 4.140.000 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng), ông Đào Danh C đã nộp đủ.

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Căn cứ Điều 35 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, Ông Đào Danh C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0002593 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn. Ông Đào Danh C đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Người yêu cầu, ông Đào Danh C có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Người yêu cầu;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐDS-.....⁽²⁾

Ngày:.....-.....-.....⁽³⁾

V/v: ⁽⁴⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) - Thẩm phán

Thẩm phán: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Thẩm phán: Ông (Bà)⁽⁶⁾

Thư ký phiên họp: Ông (Bà) - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân⁽⁷⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾ tham gia phiên họp:

Ông (Bà) - Kiểm sát viên.

Trong ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại.....⁽¹⁰⁾ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾ ngày..... tháng..... năm..... về yêu cầu⁽¹²⁾ theo Quyết định mở phiên họp số:...../...../QĐPH-.....⁽¹³⁾ ngày.....tháng..... năm.....

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁴⁾

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁵⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽¹⁶⁾

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:.....⁽¹⁷⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁸⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹⁹⁾

4. Người làm chứng:⁽²⁰⁾

5. Người phiên dịch:⁽²¹⁾

6. Người giám định:⁽²²⁾

7. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:⁽²³⁾

-

-

-

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án⁽²⁴⁾ nhận định:⁽²⁵⁾

-

-

.....

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:⁽²⁶⁾

.....

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp⁽²⁷⁾:

.....

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²⁸⁾

.....

(29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS

(1) Ghi tên Tòa án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

(2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐDS-ST”, nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐDS-PT”.

(3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.

(4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: “Tuyên bố một người mất tích”, “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”,...

(5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.

(7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự

(8) Ghi tên Viện kiểm sát.

(9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.

(10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).

(11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2017/TLST-DS).

(12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tuyên bố một người mất tích”).

(13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐPH-ST”, nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐPH-PT”.

(14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).

(20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.

(21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.

(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.

(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.

(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án).

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự và đóng dấu (quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với quyết định để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)